

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRẦN VĂN ƠN

Số: 134/QĐ - THPTTVO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

về việc công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách

Quý III năm 2025 của trường trung học phổ thông Trần Văn ƠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1062/QĐ-SGDĐT ngày 06/08/2025 của Sở giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc dự toán ngân sách năm 2025 của Trường trung học phổ thông Trần Văn ƠN (Sau sắp xếp);

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Công khai đánh giá thực hiện dự toán thu - chi ngân sách Quý III năm 2025 của Trường trung học phổ thông Trần Văn ƠN (theo biểu mẫu số 03 đính kèm)

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thời gian công khai là 90 ngày

**Điều 3:** Các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lưu VT



Hiệu trưởng

Hoàng Thanh Cần

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017

Thông tư số của Bộ Tài chính và 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN VĂN ƠN**

Chương: 422 - 074

## ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

(Kèm theo Quyết định số 134./QĐ-THPTTVQ ngày 15/10/2025 của Trường trung học phổ thông Trần Văn ƠN)

Đơn vị tính: đồng.

| SỐ TT | Nội dung                                                                 | Dự toán năm           | Ước thực hiện<br>quý III năm<br>2025 | Ước thực<br>hiện/dự<br>toán năm<br>(tỷ lệ %) | Ước thực hiện<br>quý/ năm nay)<br>so với cùng kỳ<br>năm trước (tỷ<br>lệ %) |
|-------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1     | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                       |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 1     | Số thu phí, lệ phí                                                       |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 2     | Chi từ nguồn thu phí được để lại                                         |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 2.1   | Chi sự nghiệp                                                            |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| II    | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                    | <b>19.489.000.000</b> | <b>3.989.886.121</b>                 | <b>40,89%</b>                                | <b>114,51%</b>                                                             |
| 1     | Chi quản lý hành chính                                                   |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 2     | Nghiên cứu khoa học                                                      |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề                                | 19.489.000.000        | 3.989.886.121                        | 40,89%                                       | 114,51%                                                                    |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                           | 11.925.000.000        | 3.877.452.361                        | 32,52%                                       | 97,07%                                                                     |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ cải cách tiền lương (TX)                               | 5.356.000.000         |                                      |                                              |                                                                            |
| 3.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                     | 1.342.000.000         | 112.433.760                          | 8,38%                                        | 17,44%                                                                     |
| 3.4   | Kinh phí nhiệm vụ cải cách tiền lương (KTX)                              |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 3.5   | Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (KTX) | 866.000.000           |                                      |                                              |                                                                            |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình                                   |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                                                       |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                                                    |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                          |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                                          |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn                         |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                                           |                       |                                      |                                              |                                                                            |
| 11    | Chi Chương trình mục tiêu                                                |                       |                                      |                                              |                                                                            |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2025

Phụ trách kế toán

  
Đinh Thị Tô Hoa

  
Hoàng Thanh Căn